

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 7 ĐẠI TRÀ

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 25 tháng 05 năm 2020

[illegible]

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP 9 ĐẠI TRÀ

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 25 tháng 05 năm 2020

THỨ	TIẾT	9A1 (K Trang)	9A2 (T.Hà)	9A3 (Vàng)	9A4 (Quyên)	9A5 (Hồi)	9A6 (Châu)	9A7 (Hằng T)	9A8 (Cang)
2	1	SHDC - K Trang	SHDC - T.Hà	SHDC - Vàng	SHDC - Quyên	SHDC - Hồi	SHDC - Châu	SHDC - Hằng T	SHDC - Cang
	2	Văn+ - K Trang	Lí - Thuần	Toán+ - Vĩnh	Lí - Quyên	Toán - K.Thùy	Văn - Châu	Sử - Vui	Sinh - Nguyệt
	3	Văn+ - K Trang	Địa - Cang	Sinh - Trâm	Toán - Vĩnh	Văn - Hồi	Lí - Quyên	Toán - Hằng T	Sử+ - Vui
	4	NN+ - T.Hà	Văn - K Trang	Sử - Thư S	Toán - Vĩnh	Văn - Hồi	Sử+ - Vui	Toán - Hằng T	Văn - Châu
	5	NN+ - T.Hà	Sử - Thư S	GDCD - Hằng	Sinh - Trâm	CNghệ - Xinh	Toán+ - K.Thùy	Sinh - Nguyệt	Văn+ - Châu
3	1	Sử+ - Thư S	Văn - K Trang	Toán - Vĩnh	Sinh - Trâm	Địa - Vàng	Sinh - Nguyệt	NN+ - Phát	CNghệ - Xinh
	2	CNghệ - Xinh	Văn - K Trang	Toán - Vĩnh	Văn - P Thu	Sinh - Nguyệt	NN+ - Phát	GDCD - Hằng	Lí - N Trang
	3	Toán+ - Vĩnh	Sinh - Trâm	NN - C.Thảo	Văn - P Thu	Sử - Thư S	CNghệ - Xinh	Văn+ - Hồi	Sinh - Nguyệt
	4	Sinh - Nguyệt	GDCD - Hằng	Lí - Quyên	Toán - Vĩnh	Văn - Hồi	NN - Phát	CNghệ - Xinh	Toán - Hiệp
	5	Văn - K Trang	CNghệ - Xinh	Văn - P Thu	Toán - Vĩnh	GDCD - Hằng	Địa - Vàng	Văn - Hồi	Toán - Hiệp
4	1	Toán - Vĩnh	Toán - Ngọc	Hóa - Như	Văn+ - P Thu	Toán+ - K.Thùy	Sinh - Nguyệt	Toán - Hằng T	NN+ - Phát
	2	Toán - Vĩnh	Sử+ - Thư S	Văn - P Thu	Toán+ - Vĩnh	Hóa - Như	GDCD - Hằng	Sinh - Nguyệt	NN+ - Phát
	3	Sử - Thư S	Lí - Thuần	Văn - P Thu	GDCD - Hằng	Sinh - Nguyệt	Hóa - Như	NN - Phát	Toán - Hiệp
	4	Lí - Thuần	Hóa - K Giang	Toán+ - Vĩnh	Hóa - Như	NN - Phát	Toán - K.Thùy	Toán+ - Hằng T	GDCD - Hằng
	5	GDCD - Hằng	Toán+ - Ngọc	NN - C.Thảo	Văn - P Thu	NN - Phát	Toán - K.Thùy	Hóa - Như	Toán+ - Hiệp
5	1	Toán+ - Vĩnh	Toán - Ngọc	Lí - Quyên	Văn+ - P Thu	Sử+ - Thư S	Văn - Châu	Văn - Hồi	NN - Phát
	2	Toán - Vĩnh	Toán - Ngọc	Văn+ - P Thu	NN+ - C.Thảo	Hóa - Như	Văn - Châu	Văn - Hồi	NN - Phát
	3	Văn - K Trang	NN - T.Hà	Văn+ - P Thu	NN+ - C.Thảo	Lí - Quyên	Hóa - Như	Địa - Cang	Văn - Châu
	4	Văn - K Trang	NN - T.Hà	NN+ - C.Thảo	Sử - Thư S	Văn - Hồi	Sử - Vui	Hóa - Như	Văn - Châu
	5	Địa - Cang	Văn - K Trang	NN+ - C.Thảo	Văn - P Thu	Văn+ - Hồi	NN - Phát	Lí - N Trang	Hóa - Như
6	1	Hóa - K Giang	Văn+ - K Trang	Sử+ - Thư S	CNghệ - Xinh	Văn+ - Hồi	Lí - Quyên	Toán - Hằng T	Văn - Châu
	2	Lí - Thuần	Văn+ - K Trang	Sinh - Trâm	Lí - Quyên	Toán - K.Thùy	Văn+ - Châu	Toán+ - Hằng T	Sử - Vui
	3	Sinh - Nguyệt	Sinh - Trâm	CNghệ - Xinh	Địa - Vàng	Toán - K.Thùy	Văn+ - Châu	Sử+ - Vui	Địa - Cang
	4	Văn - K Trang	Hóa - K Giang	Địa - Vàng	Sử+ - Thư S	Lí - Quyên	Toán - K.Thùy	Văn - Hồi	Văn+ - Châu
	5	SHCN - K Trang	SHCN - T.Hà	SHCN - Vàng	SHCN - Quyên	SHCN - Hồi	SHCN - Châu	SHCN - Hằng T	SHCN - Cang
7	1	Toán - Vĩnh	Toán - Ngọc	Hóa - Như	Văn - P Thu	Toán - K.Thùy	Văn - Châu	NN+ - Phát	Toán+ - Hiệp
	2	Hóa - K Giang	NN+ - T.Hà	Văn - P Thu	Hóa - Như	NN+ - Phát	Văn - Châu	Lí - N Trang	Toán - Hiệp
	3	Văn - K Trang	NN+ - T.Hà	Văn - P Thu	Toán+ - Vĩnh	NN+ - Phát	Toán - K.Thùy	Văn - Hồi	Văn - Châu
	4	NN - T.Hà	Văn - K Trang	Toán - Vĩnh	NN - C.Thảo	Toán+ - K.Thùy	NN+ - Phát	Văn+ - Hồi	Hóa - Như
	5	NN - T.Hà	Toán+ - Ngọc	Toán - Vĩnh	NN - C.Thảo	Văn - Hồi	Toán+ - K.Thùy	NN - Phát	Lí - N Trang

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP TẠO NGUỒN

BUỔI SÁNG

Thực hiện từ ngày 25 tháng 05 năm 2020

THỨ	TIẾT	6A10 (Oanh)	6A11 (Nhàn)	6A12 (Quí)	7A11 (Nhượng)	7A12 (Huỳnh)	7A13 (Hồng V)	8A10 (Thuần)	8A11 (H.Hà)	8A12 (L.Thảo)	9A9 (Xinh)	9A10 (Nguyệt)	9A11 (Trâm)
2	1	SHDC - Oanh	SHDC - Nhàn	SHDC - Quí	SHDC - Nhượng	SHDC - Huỳnh	SHDC - Hồng V	SHDC - Thuần	SHDC - H.Hà	SHDC - L.Thảo	SHDC - Xinh	SHDC - Nguyệt	SHDC - Trâm
	2	Văn - Oanh	Toán - Hằng T	MT - Nhàn	Văn - Nhượng	Lí - K.Hạnh	NN - T.Hà	Sinh - Trâm	CNghệ - H.Hà	Hóa - Huỳnh	GDCD - Hằng	Văn+TN - Hồi	CNghệ - Xinh
	3	Văn - Oanh	GDCD - Hằng	Lí - Quí	NN - T.Hà	Toán - K.Thùy	Văn - Hồng V	CNghệ - H.Hà	Địa - Vàng	NN - L.Thảo	Sinh - Nguyệt	CNghệ - Xinh	Sử+ - Thư S
	4	Địa - Huy	NN - N.Thảo	GDCD - Hằng	Địa - Cang	Toán - K.Thùy	Lí - K.Hạnh	Địa - Vàng	Văn - Anh V	NN - L.Thảo	CNghệ - Xinh	Sinh - Nguyệt	Sinh - Trâm
	5												
3	1	Nhạc - Luận	Văn - N Dững	Văn - Thanh V	Sinh - Út	Địa - Cang	Sử - Mai	Văn - V Bình	Toán - Vinh	Văn - Lan	Toán+TN - Hiệp	GDCD - Hằng	Lí - N Trang
	2	CNghệ - Quy	Văn - N Dững	Văn - Thanh V	Địa - Cang	MT - Bích	Sinh - Út	Văn - V Bình	Toán - Vinh	Văn - Lan	Toán+TN - Hiệp	Sử+ - Thư S	Nhạc - Luận
	3	Lí - Quyên	Sinh - T.Nghĩa	CNghệ - Quy	Toán - Vinh	Sinh - Út	MT - Bích	NN - Phát	Nhạc - Thanh N	Địa - Vàng	Văn+TN - K Trang	Toán+TN - Hiệp	GDCD - Hằng
	4	Sinh - Minh	CNghệ - Quy	Sinh - T.Nghĩa	MT - Bích	Sử - Nga S	Nhạc - Thanh N	Sinh - Trâm	Địa - Vàng	Toán - Vinh	Văn+TN - K Trang	Lí - N Trang	Văn+TN - P Thu
	5												
4	1	GDCD - Hằng	Sinh - T.Nghĩa	Toán - Triệu	Sinh - Út	Sử - Nga S	Sử - Mai	Toán - T Dững	Lí - Thuần	MT - Dung	Sử+ - Thư S	Hóa - K Giang	NN+TN - T Bình
	2	Toán - Triệu	Toán - Hằng T	Sinh - T.Nghĩa	CNghệ - Hồng H	Văn - Thư V	CNghệ - Long	Toán - T Dững	Sử - Mai	Lí - Thuần	NN+TN - T Bình	Toán+TN - Hiệp	Toán+TN - Ngọc
	3	Toán - Triệu	Toán - Hằng T	Tin - Hậu	Toán - Vinh	Toán - K.Thùy	Địa - Vân	MT - Dung	Sinh - Nhung	Sử - Mai	Hóa - K Giang	NN+TN - T Bình	Toán+TN - Ngọc
	4	NN - Dương	Sử - Huyền	Tin - Hậu	Sử - Nga S	Sinh - Út	Toán - Ngọc	Sử - Mai	MT - Dung	Sinh - Nhung	Toán+TN - Hiệp	NN+TN - T Bình	Văn+TN - P Thu
	5												
5	1	Tin - Hậu	Địa - Huy	Nhạc - Luận	Văn - Nhượng	GDCD - Nga S	NN - T.Hà	Hóa - Như	GDCD - Vui	Nhạc - Thanh N	Lí - N Trang	Địa - Hải	NN+TN - T Bình
	2	Tin - Hậu	Lí - Quyên	Toán - Triệu	GDCD - Nga S	Địa - Cang	NN - T.Hà	Nhạc - Thanh N	NN - L.Thảo	GDCD - Vui	NN+TN - T Bình	Nhạc - Luận	Địa - Hải
	3	Sử - Huyền	Nhạc - Luận	Toán - Triệu	Sử - Nga S	Nhạc - Thanh N	Địa - Vân	NN - Phát	NN - L.Thảo	Toán - Vinh	Sử - Thư S	Văn+TN - Hồi	Toán+TN - Ngọc
	4	Toán - Triệu	MT - Nhàn	Sử - Huyền	Nhạc - Thanh N	NN - N.Hà	Toán - Ngọc	NN - Phát	Toán - Vinh	NN - L.Thảo	Nhạc - Luận	Lí - N Trang	Văn+TN - P Thu
	5												
6	1	Văn - Oanh	Tin - Hậu	Địa - Huy	Lí - K.Hạnh	Toán - K.Thùy	GDCD - Hương	GDCD - Vui	Văn - Anh V	Địa - Vàng	Địa - Cang	Sinh - Nguyệt	Sinh - Trâm
	2	Văn - Oanh	Tin - Hậu	NN - Tú	NN - T.Hà	Văn - Thư V	Văn - Hồng V	Địa - Vàng	Hóa - K Giang	Hóa - Huỳnh	Sinh - Nguyệt	Văn+TN - Hồi	Sử - Thư S
	3	MT - Nhàn	Toán - Hằng T	NN - Tú	NN - T.Hà	CNghệ - Huỳnh	Văn - Hồng V	Lí - Thuần	NN - L.Thảo	CNghệ - H.Hà	Văn+TN - K Trang	Sử - Thư S	Hóa - K Giang
	4	SHCN - Oanh	SHCN - Nhàn	SHCN - Quí	SHCN - Nhượng	SHCN - Huỳnh	SHCN - Hồng V	SHCN - Thuần	SHCN - H.Hà	SHCN - L.Thảo	SHCN - Xinh	SHCN - Nguyệt	SHCN - Trâm
	5												
7	1	Sinh - Minh	NN - N.Thảo	CNghệ - Quy	Toán - Vinh	NN - N.Hà	Sinh - Út	Văn - V Bình	Hóa - K Giang	Sinh - Nhung	Văn+TN - K Trang	Văn+TN - Hồi	Lí - N Trang
	2	CNghệ - Quy	NN - N.Thảo	Văn - Thanh V	Toán - Vinh	NN - N.Hà	Văn - Hồng V	Văn - V Bình	Sinh - Nhung	Văn - Lan	Văn+TN - K Trang	Văn+TN - Hồi	Toán+TN - Ngọc
	3	Toán - Triệu	CNghệ - Quy	Văn - Thanh V	Văn - Nhượng	Văn - Thư V	Toán - Ngọc	Hóa - Như	Toán - Vinh	Văn - Lan	Lí - N Trang	Toán+TN - Hiệp	Hóa - K Giang
	4	NN - Dương	Văn - N Dững	Toán - Triệu	Văn - Nhượng	Văn - Thư V	Toán - Ngọc	Toán - T Dững	Văn - Anh V	Toán - Vinh	Hóa - K Giang	Toán+TN - Hiệp	Văn+TN - P Thu
	5	NN - Dương	Văn - N Dững	NN - Tú				Toán - T Dững	Văn - Anh V	Toán - Vinh	Toán+TN - Hiệp	Hóa - K Giang	Văn+TN - P Thu

THCS Chu Văn An
Năm học 2019 - 2020
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU LỚP TẠO NGUỒN

BUỔI CHIỀU

Thực hiện từ ngày 25 tháng 05 năm 2020

[illegible]